

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – TP. HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 786/2026/DS-ST

Ngày: 24/04/2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Cơ**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Tuyền**

2. Bà **Võ Thị Thanh Thảo**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Văn Long** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thu Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1230/2025/TLST-DS ngày 01/12/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 608/2025/QĐXXST-DS ngày 02/03/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1042/2025/QĐST-DS ngày 26/03/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**; địa chỉ: 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S1).

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S: Ông Lê Ngọc T – Chức vụ: Tổng giám đốc. Địa chỉ: 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Gia T1, sinh năm 1971; Địa chỉ: 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Tấn P**, sinh năm 1983; Địa chỉ: C Khu dân cư T, phường B (phường G, Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông Trần Gia T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Huỳnh Tấn P vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được - nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có người đại diện hợp pháp là ông Trần Gia T1 trình bày:

Ngày 12/11/2020, ông Huỳnh Tấn P có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ	Số thẻ	Hạn mức	Ngày ký hợp đồng	Lãi suất áp dụng
Visa Platinum	436438 - 9977	10.000.000đ	12/11/2020	2.6 %/tháng

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Huỳnh Tấn P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 8.900.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Huỳnh Tấn P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.681.500 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước;
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ;
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ;

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Huỳnh Tấn P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Huỳnh Tấn P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 11/08/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 11.601.505 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do ông Huỳnh Tấn P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông Huỳnh Tấn P phải trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 24/04/2026 là 37.512.381 đồng. Cụ thể là:

Loại thẻ	Số thẻ	Nợ gốc	Lãi quá hạn	Lãi suất áp dụng
Visa Platinum	436438 - 9977	11.601.505đ	25.910.876đ	3.9% (2.6% x 150%)

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông

P, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông Huỳnh Tấn P vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần S kính đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

Buộc ông Huỳnh Tấn P phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/04/2026 là: 37.512.381 đồng (ba mươi bảy triệu năm trăm mười hai ngàn ba trăm tám mươi một đồng) trong đó: Nợ gốc : 11.601.505 đồng; Lãi quá hạn : 25.910.876 đồng. Đồng thời, buộc ông Huỳnh Tấn P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/04/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Huỳnh Tấn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Huỳnh Tấn P theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn ông Huỳnh Tấn P. Về án phí dân sự: Bị đơn ông Huỳnh Tấn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Huỳnh Tấn P, ông Huỳnh Tấn P có nơi cư trú tại: C Khu dân cư T, phường B (phường G, Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là ông Trần Gia T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Huỳnh Tấn P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông

Trần Gia T1 và ông Huỳnh Tấn P theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu, căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét về thời hiệu đối với vụ kiện này.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự của các bên đương sự đang thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành để giải quyết vụ án.

[5] Xét thấy các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp mà bị đơn không có phản đối do đó căn cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn không cần phải chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải chứng minh sự phản đối đó là có căn cứ và phải đưa ra chứng cứ để chứng minh. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đầy đủ chứng cứ thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được hoặc chứng minh không đầy đủ đó. Ông Huỳnh Tấn P vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên ông Huỳnh Tấn P từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình.

[6] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xét xử vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo nội dung hợp đồng mà phía nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Gia T1 thì ngày 12/11/2020, ông Huỳnh Tấn P có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số thẻ: 436438-9977, hạn mức tín dụng là: 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Huỳnh Tấn P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 8.900.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Huỳnh Tấn P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 1.681.500 đồng. Như vậy, nội dung hợp đồng mà các bên xác lập thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái quy định pháp luật nên có hiệu lực, phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Mặc dù phía Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Huỳnh Tấn P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Huỳnh Tấn P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 11/08/2021 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn tại thời điểm này là: 11.601.505 đồng (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 24/04/2026, ông Huỳnh Tấn P còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S các khoản sau: nợ gốc là: 11.601.505đồng và nợ lãi quá hạn là: 25.910.876 đồng, tổng cộng là: 37.512.381 đồng (ba mươi bảy triệu năm trăm mười hai nghìn ba trăm tám mươi một đồng).

Đối với thẻ tín dụng số: 436438-9977, số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc: 11.601.505đồng với lãi suất quá hạn là: 3.9%/tháng (2.6%/tháng x 150%) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 11.601.505đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đề nghị Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn ông Huỳnh Tấn P:

Buộc ông Huỳnh Tấn P phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/04/2026 là: 37.512.381 đồng (ba mươi bảy triệu năm trăm mười hai nghìn ba trăm tám mươi một đồng), trong đó: nợ gốc là: 11.601.505đồng và nợ lãi quá hạn là: 25.910.876 đồng.

Ông Huỳnh Tấn P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/04/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn ông Huỳnh Tấn P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đã được Tòa án thông báo cho ông Huỳnh Tấn P biết nhưng đến tại phiên tòa hôm nay ông Huỳnh Tấn P không có văn bản gì thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng của ông Huỳnh Tấn P ký với nội dung yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phát hành thẻ với hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng. Từ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã cấp thẻ tín dụng cho Ông Huỳnh Tấn P với hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, nhiều lần Ngân hàng yêu cầu ông Huỳnh Tấn P thanh toán nợ nhưng ông Huỳnh Tấn P không thực hiện, do đó Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

[8] Căn cứ vào các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ ký giữa ông Huỳnh Tấn P với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 91 và Điều 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đối chiếu quy định như trên thì yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S buộc ông Huỳnh Tấn P phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/04/2026 là: 37.512.381 đồng (ba mươi bảy triệu năm trăm mười hai nghìn ba trăm tám mươi một đồng), trong đó: nợ gốc là: 11.601.505đồng và nợ lãi quá hạn là: 25.910.876 đồng. Đồng thời, buộc ông Huỳnh Tấn P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/04/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng, là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[9] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Huỳnh Tấn P phải trả ngay một lần cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/04/2026 là: 37.512.381 đồng (ba mươi bảy triệu năm trăm mười hai nghìn ba trăm tám mươi một đồng), trong đó: nợ gốc là: 11.601.505 đồng và nợ lãi quá hạn là: 25.910.876 đồng.

[10] Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có quy định “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Huỳnh Tấn P tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

[11] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Huỳnh Tấn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.875.619 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm mười chín đồng); nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 117, Điều 463; Khoản 1 Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn ông Huỳnh Tấn P về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bị đơn ông Huỳnh Tấn P có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng cộng số tiền là: 37.512.381 đồng (ba mươi bảy triệu năm trăm mười hai nghìn ba trăm tám mươi một đồng), trong đó: nợ gốc là: 11.601.505 đồng và nợ lãi quá hạn là: 25.910.876 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/04/2026), ông Huỳnh Tấn P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Huỳnh Tấn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 1.875.619 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm mười chín đồng).

- H lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là: 717.990 đồng (bảy trăm mười bảy nghìn chín trăm chín mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0046691 ngày 11/12/2024 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV10 TP. Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Văn Cơ